

Số: 1874/SYT-KHTC

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 7 năm 2019

V/v báo cáo hoạt động điều trị
nghiện các chất dạng thuốc phiện
bằng thuốc thay thế trong các cơ
sở điều trị Nhà nước.

Kính gửi:

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm cai nghiện số 1 Thanh Hóa;
- Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

Thực hiện Thông tư liên tịch số 38/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính về việc ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; Công văn số 6065/UBND-KTTC ngày 20/5/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện thủ tục, hồ sơ trình HĐND tỉnh ban hành mức giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và Thông báo số 140/TB-UBND ngày 01/7/2019 của UBND tỉnh về Kết luận phiên họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 6, nội dung phiên họp tháng 7 năm 2019.

Để có cơ sở tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành mức giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh, Sở Y tế đề nghị các đơn vị báo cáo tổng hợp điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (theo mẫu đính kèm).

Báo cáo tổng hợp gửi về Sở Y tế (qua Phòng Kế hoạch - Tài chính) và gửi qua email: nguyenhoangth78@gmail.com trước ngày 25/7/2019.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc xin liên hệ Ths. Nguyễn Văn Hoàng, Phòng Kế hoạch - Tài chính, ĐT. 0944.598.222 để được phối hợp

Nhận được công văn này đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Bá Cẩn

PHỤ LỤC TỔNG HỢP ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CÁC CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN BẰNG THUỐC THAY THẾ



Kèm theo Công văn số: 1874 /SYT-KHTC ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế)

| Năm | Cơ sở điều trị (Ghi rõ tên) | Cơ sở phát thuốc (Ghi rõ tên) | Bệnh nhân điều trị | | Số đối tượng Khoản 3 Điều 22 | Số cán bộ thực hiện | | Ngân sách nhà nước hỗ trợ (VNĐ) | Kinh phí Dự án hỗ trợ | Hỗ trợ trang thiết bị, đào tạo (Tên Dự án) |
|--------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------------|----|------------------------------|---------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------------|--|
| | | | Tổng số | | | Cán bộ đơn vị | Cán bộ hợp đồng | | | |
| | | | Nam | Nữ | | | | | | |
| 2012 | | | | | | | | | | |
| 2013 | | | | | | | | | | |
| 2014 | | | | | | | | | | |
| 2015 | | | | | | | | | | |
| 2016 | | | | | | | | | | |
| 2017 | | | | | | | | | | |
| 2018 | | | | | | | | | | |
| 6 tháng 2019 | | | | | | | | | | |

Ghi chú: Đối tượng được quy định tại **Khoản 3 Điều 22** Nghị định 90/2016/NĐ-CP: Thương binh; Người bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người nghèo; Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; Trẻ em mồ côi; Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

NGƯỜI TỔNG HỢP

Ngày tháng năm 2019
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ